TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/DS-ST
Ngày: 09/3/2026.
V/v "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 366A/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay

Trụ sở: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Cường, sinh năm: 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đông Phú A, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

(Giấy ủy quyền ngày 01/7/2025).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ D , sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp So Đũa Bé, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/9/2023 nguyên đơn Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay và bị đơn Trần Thị Mỹ D có ký kết hợp đồng cầm cố số PIM230901001NA16X tài sản là xe máy biển số 95H1 – 616.14, loại xe HONDA SH MODE, màu bạc đen, số khung RLHJF5139GZ354856, số máy JF51E0970084, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000583 do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/01/2021. Số tiền cầm cố tài sản 23.291.000đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 05/9/2023 đến ngày 05/9/2024). Thỏa thuận lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn quy định trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí hợp lý khác. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì bà D có trả được cho ngân hàng một khoản tiền là 8.400.000đồng, trong đó tiền gốc 5.845.553đồng và tiền lãi trong hạn là 6.61.528đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là 396.917đồng, phí thuê xe là 1.496.000đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền tính đến ngày 06/02/2025 là 18.603.000đồng. Trong đó nợ gốc là 12.854.446đồng, tiền lãi trong hạn là 942.915đồng, tiền lãi quá hạn là 4.805.581đồng. Ngoài ra còn yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 06/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn Trần Thị Mỹ D không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì trả lại chiếc xe mô tô hai bánh đã cầm cố theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 10/12/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả phí là 4.688.000đồng.

Bị đơn Trần Thị Mỹ D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thế C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại bản tự khai ngày 09/3/2026 điều chỉnh yêu cầu trả nợ tạm tính đến ngày xét xử là 17.886.110đồng. Trong đó nợ gốc là 12.857.993đồng, tiền lãi trong hạn là 1.145.647đồng, tiền lãi quá hạn là 3.882.470đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành tốt quy định pháp luật, vắng mặt nhiều lần mặc dù được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 217, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 309, Điều 310, Điều 316, Điều 357, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Trần Thị Mỹ D trả số tiền còn nợ là số tiền tạm tính đến ngày 09/3/2026 là 17.886.110đồng.

Trong đó nợ gốc là 12.857.993đồng, tiền lãi trong hạn là 1.145.647đồng, tiền lãi quá hạn là 3.882.470đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phí quản lý hồ sơ cố định và phí thuê xe là 4.688.000đồng. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay có ký với bị đơn Trần Thị Mỹ D hợp đồng cầm cố ngày 05/9/2023 để vay tiền của nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn là pháp nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngành nghề nguyên đơn kinh doanh là đúng danh mục đăng ký và được điều chỉnh theo quy định của pháp luật. Xét đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, bị đơn cư trú tại xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình tố tụng bị đơn Trần Thị Mỹ D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền cùng toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện: Căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản số PIM230901001NA16X tài sản là xe máy biển số 95H1 – 616.14, loại xe HONDA SH MODE, màu bạc đen, số khung RLHJF5139GZ354856, số máy JF51E0970084, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000583 do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/01/2021. Số tiền cầm cố tài sản 23.291.000đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 05/9/2023 đến ngày 05/9/2024). Sau khi nhận tiền thì bà D không có thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến hạn trả nợ thì bà D không trả nợ cho Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay. Do đó, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật. Buộc bà Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho công ty Sawad Tền Có Ngay số tiền gốc còn nợ là 17.886.110đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay thấy rằng: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số PIM230901001NA16X thì lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn quy định trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay yêu cầu bà D phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền bà D còn nợ Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay tạm tính đến ngày 09/3/2026 là 17.886.110đồng. Trong đó nợ gốc là 12.857.993đồng, tiền lãi trong hạn là 1.145.647đồng, tiền lãi quá hạn là 3.882.470đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Hợp đồng cầm cố tài sản giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, đến hạn trả nợ bị đơn Trần Thị Mỹ D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền còn nợ tính đến ngày 09/3/2026 là 17.886.110đồng. Trong đó nợ gốc là 12.857.993đồng, tiền lãi trong hạn là 1.145.647đồng, tiền lãi quá hạn là 3.882.470đồng. Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án. Trường hợp bị đơn Trần Thị Mỹ D không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì trả lại chiếc xe mô tô hai bánh đã cầm cố theo hợp đồng cầm cố số PIM230901001NA16X ngày 05/9/2023.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện vào ngày 10/12/2025 về việc yêu cầu bị đơn trả phí quản lý hồ sơ cố định và phí thuê xe là 4.688.000đồng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị đơn Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 894.305đồng.

17.886.110đồng x 5% = 894.305đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 217, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 309, Điều 310, Điều 316, Điều 357, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay đối với bị đơn Trần Thị Mỹ D .

2. Buộc bị đơn Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 09/3/2026 là 17.886.110đồng. Trong đó nợ gốc là 12.857.993đồng, tiền lãi trong hạn là 1.145.647đồng, tiền lãi quá hạn là 3.882.470đồng.

3. Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án.

4. Trường hợp bị đơn Trần Thị Mỹ D không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì trả lại chiếc xe mô tô hai bánh đã cầm cố theo hợp đồng cầm cố số PIM230901001NA16X ngày 05/9/2023.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phí quản lý hồ sơ cố định và phí thuê xe là 4.688.000đồng.

6. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 894.305đồng (tám trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm lẻ năm đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 582.500đồng (năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006121, ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

7. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/3/2026). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Trường Nguyễn Văn Trương **Nguyễn Thị Thúy Hường**

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV 14;
- THADS TP Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Trường Nguyễn Văn Trương **Nguyễn Thị Thúy Hường**